

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Digitally signed by Công Ty CP
Nhựa Việt Nam
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH, CN=Công Ty CP
Nhựa Việt Nam,
OID.0.9.2342.1.2.0.0300.100.1.1=
MST:0300381966
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2026.08.26 16:07:43+0700
Foxit PhantomPDF Version:
10.1.3

Công Ty
CP Nhựa
Việt Nam

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. HCM

Điện thoại: 08 – 39453301 – 39453302

Fax: 08 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: **Trịnh Thị Mai Hương**

Địa chỉ: 26/72/14 Đường số 7, KP33, Phường Hạnh Thông, TP.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 sau kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính bán niên 2026 sau kiểm toán Hợp nhất của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.
- Công văn số 329/CV-NVN-TCKT ngày 26/8/2026 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng đầu năm 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **26/8/2026** tại đường dẫn www.vinaplast.com.vn/quanhecodong/baocaotaichinh.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Mai Hương

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 328 /CBTT

TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

- Mã chứng khoán: VNP
- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành – Phường Xóm Chiếu – TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.39453301 Fax: 028.39453298
- Email: vinaplast@vinaplast.com.vn Website: www.vinaplast.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/08/2026 tại đường dẫn: <http://vinaplast.com.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2026
- Văn bản giải trình số 329/CV-NVN-TCKT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Hoàng Minh Sơn

Số: 329 /CV-NVN-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh
6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

1/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

+ **Đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty :**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 lãi: 25.371.500.762 đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2025 lãi: 12.364.197.770 đồng

Nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước :

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước nhờ Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao hiệu quả bán hàng. Đồng thời, Công ty chủ động cơ cấu danh mục sản phẩm, hàng tồn kho, tối ưu chính sách bán hàng phù hợp với diễn biến của thị trường, qua đó cải thiện lợi nhuận gộp trong kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do phát sinh khoản cổ tức được chia từ công ty liên doanh, liên kết.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do phát sinh chi phí trích lập dự phòng khoản phải thu dài hạn; chi phí bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước do Công ty tăng cường hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường. Tuy nhiên, mức tăng doanh thu và lợi nhuận gộp đã bù đắp được phần chi phí phát sinh này, qua đó làm lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

+ **Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 lãi: 27.332.105.488 đồng

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2025 lãi: 14.251.203.201 đồng

Nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước:

+ Ngoài kết quả kinh doanh được cải thiện tại Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng còn do phần lợi nhuận được ghi nhận từ các công ty liên doanh, liên kết cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Kết quả hoạt động tích cực của các đơn vị đã góp phần làm tăng lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam làm văn bản giải trình để Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 38

0382
C
KI
V

038
H
ÔNG
Ổ Đ
NH
ỆT
TP

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch	
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Minh Sơn	Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Hoàng Khánh Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Bà Lê Thị Lộc Uyên	Thành viên	
Ông Phạm Huy Quan	Thành viên	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Hoàng Minh Sơn - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hoàng Minh Sơn

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Số: 254 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại đó trình bày thông tin về tình hình hoạt động của công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.330.432.090	127.138.886.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.594.530.744	15.376.830.419
1. Tiền	111		8.894.530.744	4.376.830.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.700.000.000	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	91.296.767.123	77.685.316.438
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		91.548.242.873	77.936.792.188
2. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		(251.475.750)	(251.475.750)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.336.254.434	11.218.092.734
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	60.300.190.490	60.160.702.490
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		866.276.012	942.416.012
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	26.120.835.517	13.066.021.817
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	9	(62.951.047.585)	(62.951.047.585)
IV. Hàng tồn kho	140	10	6.231.836.996	14.089.485.751
1. Hàng tồn kho	141		9.734.739.463	22.735.936.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3.502.902.467)	(8.646.450.266)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		7.871.042.793	8.769.161.306
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	11	89.030.759	118.061.518
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		7.680.603.215	8.549.690.969
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	12	101.408.819	101.408.819
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.574.103.090	173.906.140.371
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.680.000.000	16.830.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	21.030.000.000	21.030.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	9	(7.350.000.000)	(4.200.000.000)
II. Tài sản cố định	220		3.047.578.804	3.567.243.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.047.578.804	3.567.243.580
- Nguyên giá	222		127.609.695.915	128.219.106.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.562.117.111)	(124.651.862.790)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		3.057.090.120	3.057.090.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.057.090.120)	(3.057.090.120)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	151.129.305.580	146.665.346.009
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		151.129.305.580	146.665.346.009
IV. Tài sản dài hạn khác	270		6.717.218.706	6.843.550.782
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	11	6.717.218.706	6.843.550.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		328.904.535.180	301.045.027.019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.751.914.945	26.710.921.100
I. Nợ ngắn hạn	310		42.551.914.945	26.010.921.100
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.779.291.070	1.897.270.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.210.909.000	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	16	16.770.140.913	1.247.210.513
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	12	10.021.616.703	10.145.435.512
5. Phải trả người lao động	315		340.906.000	1.245.378.572
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	2.184.189.086	1.599.050.981
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	18	1.491.065.790	1.437.966.475
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	19	7.007.185.217	7.505.958.449
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.746.611.166	932.650.394
II. Nợ dài hạn	330		1.200.000.000	700.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	18	1.200.000.000	700.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	285.152.620.235	274.334.105.919
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.006.228.221	199.031.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		82.907.001.033	79.883.561.044
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		55.562.773.114	62.036.701.923
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		27.344.227.919	17.846.859.121
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(49.739.019)	(37.616.588)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		328.904.535.180	301.045.027.019



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Lê Thị Sâm
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	48.684.317.072	25.549.931.855
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	22	48.684.317.072	25.549.931.855
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	43.924.849.437	25.871.184.081
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.759.467.635	(321.252.226)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	2.880.614.265	2.902.583.933
6. Chi phí tài chính	23		410.183.153	1.385.786.768
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		408.565.323	658.160.045
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25	6	28.416.961.340	17.854.332.520
8. Chi phí bán hàng	26	26	962.450.723	848.170.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	26	7.345.895.540	3.403.229.708
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 22 - 23 + 25 - 26 - 27)	30		27.338.513.824	14.798.477.077
11. Thu nhập khác	31		174.187.118	-
12. Chi phí khác	32		180.595.454	547.273.876
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.408.336)	(547.273.876)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.332.105.488	14.251.203.201
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		27.332.105.488	14.251.203.201
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		27.344.227.919	14.259.081.954
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(12.122.431)	(7.878.753)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.407	734



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Lê Thị Sâm
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.332.105.488	14.251.203.201
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	519.664.776	704.760.838
- Các khoản dự phòng	03	(1.993.547.799)	(967.158.629)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.617.830	1.625.947
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(31.297.575.604)	(20.586.110.107)
- Chi phí đi vay	06	408.565.323	658.160.045
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.029.169.986)	(5.937.518.705)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	908.146.571	1.851.741.372
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	13.001.196.554	11.998.911.696
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	794.310.582	(4.190.253.767)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	155.362.835	12.111.970
- Chi phí đi vay đã trả	14	-	(966.406.206)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(156.500.000)	(600.384.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.673.346.556	2.168.202.360
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(96.550.000.000)	(71.064.818.645)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.000.000.000	131.017.067.438
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.614.944.831	8.185.210.130
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.944.831	68.137.458.923
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(498.773.232)	(39.185.676.271)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(518.973.232)	(39.185.676.271)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	9.219.318.155	31.119.985.012
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.376.830.419	10.630.222.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.617.830)	(1.625.947)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	24.594.530.744	41.748.581.816



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Lê Thị Sâm
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 20 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 20 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ nhựa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn, quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu, nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh sản phẩm từ nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước (i)	Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh	99,52	99,52	Sản xuất sản phẩm từ plastic
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An (ii)	Số 18C Phạm Đình Hổ, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	100	100	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một (ii)	300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	Kinh doanh thương mại
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Nhựa Ván Đồn	320 Bến Ván Đồn, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh	20,69	20,69	Sản xuất sản phẩm từ plastic
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	27,51	27,51	Sản xuất hạt nhựa PVC
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai	15	15	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Nhựa PVC

Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước (“Nhựa Việt Phước”) đã tạm dừng hoạt động sản xuất kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 cho đến khi có chỉ đạo mới từ Hội đồng Quản trị. Trong thời gian này, Công ty đã thực hiện tinh giản nhân sự, thu hẹp hoạt động và tập trung bán hàng hóa, thành phẩm tồn kho cũng như thanh lý máy móc, thiết bị nhằm tạo dòng tiền để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn, đồng thời xem xét, đánh giá nhu cầu thị trường và tìm kiếm các phương án kinh doanh mới hiệu quả. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty vẫn chưa thu xếp được nguồn tài chính để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận với Ngân hàng; theo đó, Ngân hàng đã chuyển giao hồ sơ liên quan đến khoản vay của Công ty sang cơ quan thi hành án để xử lý theo quy định. Theo Quyết định về việc bàn giao tài sản cho người mua được tài sản số 4623/QĐ-THADS.KV18 ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Công ty đã đấu giá thành công tài sản gồm một dây chuyền sản xuất và một phần sản phẩm tồn kho với giá trị 2.652.300.000 VND. Các tài sản thế chấp còn lại sẽ tiếp tục được đấu giá trong tương lai để xử lý theo quy định (xem Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một đã nhận được giấy xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2026. Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 25.26/QĐ-NVN-HĐQT ngày 11 tháng 6 năm 2026, các Công ty tiếp tục đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến ngày 31 tháng 7 năm 2027.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xi nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một	403 Nguyễn Thái Bình, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội	Phòng R21, tầng 9, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Một số khoản mục đã được trình bày lại theo các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 để có thể so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng hóa thương mại bao gồm giá mua và các chi phí thu mua có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, giá trị hàng tồn kho sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty xác định giá trị hàng xuất kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian sử dụng hữu ích.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất bao gồm:

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất ngày 27 tháng 6 năm 2006 với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP của Công ty mẹ. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Tiền thuê đất trả trước Lô K-3-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Tỉnh Bình Dương của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian thuê là 540 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Công ty liên doanh
Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng nhựa tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Đồng thời toàn bộ hoạt động đều diễn ra tại một khu vực địa lý là khu vực miền Nam do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	31.503.756	488.398.778
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.863.026.988	3.888.431.641
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.001.905.523	2.905.516.228
- Các ngân hàng khác	1.861.121.465	982.915.413
Các khoản tương đương tiền (i)	15.700.000.000	11.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.700.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện đại - Chi nhánh Vũng Tàu	-	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Thành	-	5.000.000.000
Cộng	24.594.530.744	15.376.830.419

Ghi chú:

- (i) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng (i)	91.296.767.123	91.296.767.123	-	77.685.316.438
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	62.071.380.822	62.071.380.822	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Vũng Tàu	29.225.386.301	29.225.386.301	-	33.589.158.904
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi	-	-	-	14.066.739.726
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Trung tâm Kinh doanh Hội Sở	-	-	-	30.029.417.808
a2) Các khoản cho vay	251.475.750	-	(251.475.750)	-
- Ông Nguyễn Quốc Nhật	251.475.750	-	(251.475.750)	-
Cộng	91.548.242.873	91.296.767.123	(251.475.750)	77.936.792.188
Ghi chú:				77.685.316.438
				(251.475.750)
				(251.475.750)
				(251.475.750)

(i) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 8,0%/năm đến 8,1%/năm.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ % vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Nhựa Văn Dồn (v)	20,69%	16.961.554.628	(*)	16.961.554.628
- Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem (vi)	27,51%	15.279.075.966	(*)	15.279.075.966
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina (vi)	15,00%	89.705.850.000	(*)	89.705.850.000
Cộng		121.946.480.594	151.129.305.580	121.946.480.594
				146.665.346.009
				(*)
				(*)
				(*)

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn với giá trị là 16.760.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,69% tổng vốn điều lệ. Giá trị khoản đầu tư đã được đánh giá lại là 16.961.554.628 VND khi Công ty thực hiện cổ phần hóa. Báo cáo tài chính vào thời điểm gần nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đang thể hiện lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu rất lớn, theo đó, Công ty đang điều chỉnh giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị điều chỉnh không vượt quá khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Ngày 26 tháng 01 năm 2021, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Theo Quyết định số 14/2025/QĐĐC-PSDN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Ngày 23 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu Vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh thông báo thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem với giá trị là 789.061 USD, chiếm tỷ lệ 27,51% tổng vốn điều lệ. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem đang có lãi lũy kế. Trong kỳ, Công ty được chia lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina với giá trị là 5.250.000 USD, chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn điều lệ. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina đang có lãi lũy kế. Trong kỳ, Công ty được chia lợi nhuận từ Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	146.665.346.009	140.529.446.545
Lợi nhuận được chia trong kỳ	(23.953.001.768)	(14.335.117.951)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết trong kỳ	28.416.961.340	17.854.332.520
Tại ngày cuối kỳ	151.129.305.581	144.048.661.114

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bên liên quan	47.357.199.069	(47.357.199.069)	47.357.199.069	(47.357.199.069)
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	(2.669.970.418)	2.669.970.418	(2.669.970.418)
Phải thu khách hàng khác	10.273.021.003	(10.102.021.003)	10.133.533.003	(10.102.021.003)
Cộng	60.300.190.490	(60.129.190.490)	60.160.702.490	(60.129.190.490)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	26.120.835.517	(1.956.533.750)	13.066.021.817	(1.956.533.750)
<i>a1) Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</i>	<i>24.452.933.768</i>	<i>(499.932.000)</i>	<i>11.295.713.250</i>	<i>(499.932.000)</i>
- Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem - Lợi nhuận được chia	18.230.968.268	-	-	-
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina - Lợi nhuận được chia	5.722.033.500	-	10.795.781.250	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Cổ tức được chia	499.932.000	(499.932.000)	499.932.000	(499.932.000)
<i>a2) Phải thu ngắn hạn đối tượng khác</i>	<i>1.667.901.749</i>	<i>(1.456.601.750)</i>	<i>1.770.308.567</i>	<i>(1.456.601.750)</i>
Kỷ cược, kỷ quỹ	81.150.000	-	138.900.000	-
Đối tượng khác	1.586.751.749	(1.456.601.750)	1.631.408.567	(1.456.601.750)
b) Phải thu dài hạn khác	21.030.000.000	(7.350.000.000)	21.030.000.000	(4.200.000.000)
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (i)	21.000.000.000	(7.350.000.000)	21.000.000.000	(4.200.000.000)
Kỷ quỹ, kỷ cược	30.000.000	-	30.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản góp vốn đầu tư vào Dự án “Trụ sở, văn phòng, trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tọa lạc tại Số 360 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ là Số 360 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) của Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với số tiền góp vốn là 21 tỷ VND (bằng hình thức bù trừ công nợ). Dự án đã được phê duyệt đầu tư và xây dựng nhưng do tình hình tài chính khó khăn nên Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn dự án cho Công ty Cổ phần Đồng Thịnh Phát để tiếp tục thực hiện dự án. Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long cam kết sẽ chi trả cho Công ty sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng và thanh, quyết toán Dự án theo đúng quy định của pháp luật, theo đúng tỷ lệ góp vốn ban đầu. Tuy nhiên, do thay đổi một số thủ tục của dự án nên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, dự án vẫn chưa hoàn tất việc chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	83.951.047.585	13.650.000.000	83.951.047.585	16.800.000.000

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng	60.129.190.490	-	60.129.190.490	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bên liên quan	47.357.199.069	-	47.357.199.069	Trên 03 năm
Các đối tượng khác	12.771.991.421	-	12.771.991.421	Trên 03 năm
b) Phải thu ngắn hạn khác	1.956.533.750	-	1.956.533.750	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bên liên quan	499.932.000	-	499.932.000	Trên 03 năm
Các đối tượng khác	1.456.601.750	-	1.456.601.750	Trên 03 năm
c) Phải thu dài hạn khác	21.000.000.000	13.650.000.000	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (i)	21.000.000.000	13.650.000.000	21.000.000.000	Trên 03 năm
d) Trả trước cho người bán	865.323.345	-	865.323.345	-
Các đối tượng khác	865.323.345	-	865.323.345	-
Cộng	83.951.047.585	13.650.000.000	83.951.047.585	Trên 03 năm

Ghi chú:

(i) Như đã trình bày ở trên, việc chuyển nhượng dự án giữa các bên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vẫn chưa hoàn tất do một số thủ tục liên quan đến dự án đang trong quá trình xử lý. Dự án đã đình trệ trong thời gian dài và hiện chưa có kế hoạch cụ thể về thời điểm hoàn tất việc chuyển nhượng. Mặc dù đối tác đã có cam kết hoàn trả khoản tiền liên quan khi hoàn tất chuyển nhượng, việc thu hồi vẫn phụ thuộc vào tiến độ xử lý các thủ tục và sự phối hợp của các bên liên quan. Trên cơ sở đánh giá các yếu tố nêu trên, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu với khoản phải thu này nhằm phản ánh một cách thận trọng giá trị có thể thu hồi tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

9. NỢ XẤU (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	67.151.047.585	64.700.498.855
Trích dự phòng trong kỳ	3.150.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(748.987.754)
Tại ngày cuối kỳ	<u>70.301.047.585</u>	<u>63.951.511.101</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	930.634.183	(925.349.145)	1.429.631.358	(1.315.078.465)
Công cụ, dụng cụ	90.000	-	90.000	-
Sản phẩm	2.892.164.047	(2.164.420.518)	4.955.625.494	(2.289.991.568)
Hàng hoá	5.911.851.233	(413.132.804)	16.350.589.165	(5.041.380.233)
Cộng	<u>9.734.739.463</u>	<u>(3.502.902.467)</u>	<u>22.735.936.017</u>	<u>(8.646.450.266)</u>

Ghi chú:

Tình hình biến động chi phí dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	8.646.450.266	8.963.491.395
Trích dự phòng trong kỳ	1.399.691.301	1.215.012.469
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (i)	(6.543.239.100)	(1.433.183.344)
Tại ngày cuối kỳ	<u>3.502.902.467</u>	<u>8.745.320.520</u>

- (i) Trong kỳ, Công ty đã bán các mặt hàng tồn kho tồn đọng lâu năm đã được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong các năm trước. Do đó, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị 6.543.239.100 VND liên quan đến hàng tồn kho đã bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

11. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	89.030.759	118.061.518
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	29.030.759	58.061.518
Chi phí thuê văn phòng	60.000.000	60.000.000
b) Dài hạn	6.717.218.706	6.843.550.782
Tiền thuê đất trả trước (i)	6.717.218.706	6.843.550.782
Cộng	6.806.249.465	6.961.612.300

Ghi chú:

- (i) Trong đó, khoản tiền thuê đất trả trước tại Lô K-3-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Tỉnh Bình Dương với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.670.980.171 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.702.074.463 VND) của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước là quyền sử dụng đất đi thuê được dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (xem Thuyết minh số 19).

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.058.736	-	-	101.058.736
Các loại thuế khác	350.083	-	-	350.083
Cộng	101.408.819	-	-	101.408.819
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	48.385.867	52.346.406	94.756.986	5.975.287
Thuế thu nhập cá nhân	110.887.439	164.389.468	245.797.697	29.479.210
Các loại thuế khác (i)	9.986.162.206	-	-	9.986.162.206
Cộng	10.145.435.512	216.735.874	340.554.683	10.021.616.703

Ghi chú:

- (i) Các loại thuế khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công Thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13 tháng 7 năm 1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nhận nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị dụng cụ quản	Tài sản cố định khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	11.890.185.014	112.761.590.933	2.202.034.637	1.148.678.059	216.617.727		128.219.106.370
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	(571.970.455)	(37.440.000)		(609.410.455)
Số dư cuối kỳ	11.890.185.014	112.761.590.933	2.202.034.637	576.707.604	179.177.727		127.609.695.915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ							
Số dư đầu năm	10.141.518.333	110.943.014.034	2.202.034.637	1.148.678.059	216.617.727		124.651.862.790
Khấu hao trong năm	239.883.720	279.781.056	-	-	-		519.664.776
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	(571.970.455)	(37.440.000)		(609.410.455)
Số dư cuối kỳ	10.381.402.053	111.222.795.090	2.202.034.637	576.707.604	179.177.727		124.562.117.111
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	1.748.666.681	1.538.795.943	-	-	-		3.567.243.580
Số dư cuối kỳ	1.508.782.961	1.818.576.899	-	-	-		3.047.578.804

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước đã thế chấp một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 13.454.745.368 VND và 2.156.629.245 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 13.454.745.368 VND và 2.604.910.299 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng và nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết đang không sử dụng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với giá trị lần lượt là 2.656.967.094 VND và 102.302.078.279 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.694.407.094 VND và 102.874.048.734 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước là 2.325.563.514 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là 2.325.563.514 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định chờ thanh lý của Công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 11.143.217.173 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là 11.143.217.173 VND). Theo Quyết định về việc bàn giao tài sản cho người mua được tài sản số 4623/QĐ-THADS.KV18 ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Cục Quản lý Thị hành án dân sự, Công ty đã đầu giá thành công tài sản gồm một dây chuyền sản xuất và một phần sản phẩm tồn kho với giá trị 2.652.300.000 VND. Các tài sản thế chấp còn lại sẽ tiếp tục được đầu giá trong tương lai để xử lý theo quy định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Danh mục các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

STT	Tên tài sản cố định	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế
		VND	VND	VND	VND
1	Hệ thống dây chuyền sản xuất bao dệt PP	17.250.803.462	17.250.803.462	17.250.803.462	17.250.803.462
	Cộng	17.250.803.462	17.250.803.462	17.250.803.462	17.250.803.462

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
Số dư cuối kỳ	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
Số dư cuối kỳ	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với giá trị là 3.057.090.120 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.057.090.120 VND).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại P-Link Việt Nam	426.087.515	426.087.515
Các đối tượng khác	1.353.203.555	1.471.182.689
Cộng	1.779.291.070	1.897.270.204

16. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về cổ tức	16.770.140.913	1.247.210.513
- Năm 2025	15.543.130.400	-
- Trước năm 2025 (i)	1.227.010.513	1.247.210.513
Cộng	16.770.140.913	1.247.210.513

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức phải trả đầu năm với giá trị 1.247.210.513 VND là cổ tức chưa thanh toán cho các cổ đông cá nhân chưa lưu ký chứng khoán và các cổ đông chưa đến nhận cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.717.243.307	1.308.677.984
Các khoản trích trước khác	466.945.779	290.372.997
Cộng	2.184.189.086	1.599.050.981

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.491.065.790	1.437.966.475
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	65.356.932	37.565.816
Nhận ký quỹ	-	20.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ P-Care Việt Nam	1.105.416.000	1.105.416.000
Tài sản thừa chờ xử lý	217.661.244	179.599.724
Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.631.614	95.384.935
b) Dài hạn	1.200.000.000	700.000.000
Nhận ký quỹ	1.200.000.000	700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (i)	6.607.185.217	6.607.185.217	-	498.773.232	7.105.958.449	7.105.958.449
Ông Nguyễn Hoàng Huy (ii)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Cộng	7.007.185.217	7.007.185.217	-	498.773.232	7.505.958.449	7.505.958.449

Ghi chú:

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 056A23/BDD ngày 24 tháng 11 năm 2023 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 8%/năm và điều chỉnh thành 6,8% đối với các khoản vay phát sinh từ tháng 11 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/005TT23 ngày 24 tháng 11 năm 2023, máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 517TC23 ngày 24 tháng 11 năm 2023 và hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/708TC22 ngày 24 tháng 11 năm 2023. (Xem Thuyết minh số 10, 11 và 13). Khoản vay này đã quá hạn thanh toán, trong đó nợ gốc là 6.607.185.217 VND, và lãi trong hạn là 1.192.856.834 VND, lãi phạt quá hạn là 524.386.473 VND. Theo Quyết định về việc bàn giao tài sản cho người mua được tài sản số 4623/QĐ-THADS.KV18 ngày 08 tháng 07 năm 2026 của Cục Quản lý Thị hành án dân sự, Công ty đã đấu giá thành công tài sản gồm một dây chuyền sản xuất và một phần sản phẩm tồn kho với giá trị 2.652.300.000 VND. Các tài sản thế chấp còn lại sẽ tiếp tục được đấu giá trong tương lai để xử lý theo quy định.
- (ii) Khoản vay từ Ông Nguyễn Hoàng Huy theo Hợp đồng mượn tiền số 2023/2023/HĐVT-NVP ngày 20 tháng 3 năm 2023. Khoản vay không quy định lãi suất và thời hạn vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	199.031.463	101.768.027.923	(16.157.623)	296.240.031.763
Lãi/ (Lỗ) trong năm	-	-	17.846.859.121	(21.458.965)	17.825.400.156
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(873.500.000)	-	(873.500.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(38.857.826.000)	-	(38.857.826.000)
Số dư cuối năm trước	194.289.130.000	199.031.463	79.883.561.044	(37.616.588)	274.334.105.919
Lãi/ (Lỗ) trong kỳ	-	-	27.344.227.919	(12.122.431)	27.332.105.488
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	7.807.196.758	(7.807.196.758)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(1.050.000.000)	-	(1.050.000.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	79.539.228	-	79.539.228
Chia cổ tức (i)	-	-	(15.543.130.400)	-	(15.543.130.400)
Số dư cuối kỳ này	194.289.130.000	8.006.228.221	82.907.001.033	(49.739.019)	285.152.620.235

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, số 19.26/NQ-NVN-DHDCĐTN ngày 22 tháng 4 năm 2026 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.050.000.000 VND
- Giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024: 79.539.228 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 7.807.196.758 VND
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 15.343.130.400 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, chi tiết vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh	12.794.342	127.943.420.000	65,9%	12.794.342	127.943.420.000	65,9%
Vốn Nhà nước - Công ty TNHH						
Các cổ đông khác	6.634.571	66.345.710.000	34,1%	6.634.571	66.345.710.000	34,1%
Cộng	19.428.913	194.289.130.000	100%	19.428.913	194.289.130.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức, lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, số 19.26/NQ-NVN-DHĐCĐTN ngày 22 tháng 4 năm 2026, tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 là 8% trên vốn điều lệ. Cổ tức đã được chi trả bằng tiền vào ngày 30 tháng 7 năm 2026.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
USD	16.843,45	16.856,65

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	47.130.555.265	23.864.024.789
Doanh thu bán thành phẩm	766.443.244	818.792.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	787.318.563	867.114.174
Cộng	48.684.317.072	25.549.931.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.989.743.107	23.680.271.923
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.063.461.447	2.389.783.472
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	15.192.682	19.299.561
Trích/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i)	(5.143.547.799)	(218.170.875)
Cộng	43.924.849.437	25.871.184.081

Ghi chú:

- (i) Thông tin cụ thể về việc trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Thuyết minh số 10 - Hàng tồn kho.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.030.759	29.074.581
Chi phí nhân công	2.542.606.629	2.421.307.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.573.898	704.760.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.460.725.932	1.615.940.579
Chi phí khác bằng tiền	3.753.063.174	77.220.567
Cộng	10.387.000.392	4.848.304.412

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	2.880.614.265	2.731.777.587
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	170.806.346
Cộng	2.880.614.265	2.902.583.933

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	378.511.573	277.232.072
Chi phí vật liệu quản lý	-	9.701.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	32.455.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	583.939.150	528.781.960
Cộng	962.450.723	848.170.674
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	2.164.095.056	2.144.075.775
Chi phí nguyên nhiên vật liệu	29.030.759	19.373.559
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.461.600	94.211.600
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	3.150.000.000	(748.987.754)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.132.653	1.069.075.750
Các khoản chi phí QLDN khác	1.117.175.472	825.480.778
Cộng	7.345.895.540	3.403.229.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	27.344.227.919	14.259.081.954
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.344.227.919	14.259.081.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.428.913	19.428.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.407	734

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 với số tiền là 1.050.000.000 VND, giảm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 với số tiền là 79.539.228 VND và trích quỹ đầu tư phát triển số tiền là 7.087.196.758 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 19.26/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 22 tháng 4 năm 2026. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được trình bày lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc Năm tài chính như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Các khoản vay	7.007.185.217	7.505.958.449
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	24.594.530.744	15.376.830.419
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	285.152.620.235	274.334.105.919
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.594.530.744	24.594.530.744	15.376.830.419	15.376.830.419
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.296.767.123	91.296.767.123	77.685.316.438	77.685.316.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.015.301.767	38.015.301.767	27.971.000.067	27.971.000.067
Tổng cộng	153.906.599.634	153.906.599.634	121.033.146.924	121.033.146.924
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	7.007.185.217	7.007.185.217	7.505.958.449	7.505.958.449
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	16.770.140.913	16.770.140.913	1.247.210.513	1.247.210.513
Phải trả người bán và phải trả khác	4.404.999.928	4.404.999.928	3.997.670.863	3.997.670.863
Chi phí phải trả	2.184.189.086	2.184.189.086	1.599.050.981	1.599.050.981
Tổng cộng	30.366.515.144	30.366.515.144	14.349.890.806	14.349.890.806

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo như Thuyết minh số 4, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.594.530.744	-	24.594.530.744
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.296.767.123	-	91.296.767.123
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.335.301.767	13.680.000.000	38.015.301.767
Tổng cộng	140.226.599.634	13.680.000.000	153.906.599.634
Tại ngày cuối kỳ			
Các khoản vay	7.007.185.217	-	7.007.185.217
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	16.770.140.913	-	16.770.140.913
Phải trả người bán và phải trả khác	3.204.999.928	1.200.000.000	4.404.999.928
Chi phí phải trả	2.184.189.086	-	2.184.189.086
Tổng cộng	29.166.515.144	1.200.000.000	30.366.515.144
Chênh lệch thanh khoản ròng	111.060.084.490	12.480.000.000	123.540.084.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.376.830.419	-	15.376.830.419
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77.685.316.438	-	77.685.316.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.141.000.067	16.830.000.000	27.971.000.067
Tổng cộng	104.203.146.924	16.830.000.000	121.033.146.924
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)			
Các khoản vay	7.505.958.449	-	7.505.958.449
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	1.247.210.513	-	1.247.210.513
Phải trả người bán và phải trả khác	3.297.670.863	700.000.000	3.997.670.863
Chi phí phải trả	1.599.050.981	-	1.599.050.981
Tổng cộng	13.649.890.806	700.000.000	14.349.890.806
Chênh lệch thanh khoản ròng	90.553.256.118	16.130.000.000	106.683.256.118

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, ngoài các sổ dư với các bên liên quan tại các Thuyết minh số 6, 7, 8, 9 và 20, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem		
Lợi nhuận được chia	18.230.968.268	10.948.680.450
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina		
Lợi nhuận được chia	5.722.033.500	3.386.437.500
Lợi nhuận được chi trả	10.795.781.250	5.070.187.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Ban điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>		<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
			VND	VND
I/ Hội đồng Quản trị (i)			212.522.727	454.450.000
Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	-	36.000.000
Ông Phan Trung Nam	Thành viên	Thù lao	-	18.000.000
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên,	Thù lao	-	24.000.000
	Trưởng Phòng	Lương và các khoản khác	212.522.727	340.450.000
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên	Thù lao	-	18.000.000
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	Thù lao	-	18.000.000
II/ Ban Kiểm soát (i)			192.154.482	255.450.000
Ông Hoàng Khánh Duy	Trưởng ban	Thù lao	-	-
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Trưởng ban	Thù lao	-	13.500.000
Ông Võ Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban	Thù lao	-	94.400.000
Bà Lê Thị Lộc Uyên	Thành viên,	Thù lao	-	12.000.000
	Nhân viên	Lương và các khoản khác	95.764.607	118.450.000
Ông Phạm Huy Quan	Thành viên,	Thù lao	-	3.000.000
	Nhân viên	Lương và các khoản khác	96.389.875	14.100.000
III/ Ban Điều hành			285.950.000	743.225.000
Ông Hoàng Minh Sơn	Tổng Giám Đốc		285.950.000	62.250.000
Ông Phan Trung Nam	Tổng Giám Đốc		-	386.900.000
Bà Trần Thị Phụng	KTT		-	294.075.000
Cộng			690.627.209	1.453.125.000

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 19.26/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 22 tháng 4 năm 2026 đã thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 lần lượt là 168.000.000 VND và 84.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty chưa thực hiện chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

“Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia” không bao gồm số tiền 23.953.001.768 VND là khoản tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong kỳ này chưa thu được, nhưng đã bao gồm 10.795.781.250 VND là số tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm trước đã thu được trong kỳ này. Theo đó, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên khoản mục “Tăng, giảm các khoản phải thu”.

“Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu” không bao gồm 15.543.130.400 VND là khoản cổ tức phát sinh trong kỳ này nhưng chưa thanh toán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên khoản mục “Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2026, Công ty nhận được kết quả kiểm tra thuế của cơ quan thuế đối với giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024. Theo kết quả kiểm tra, Công ty phải nộp bổ sung thuế và tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế với tổng số tiền là 111.828.856 VND. Ngoài ra, kết quả kiểm tra thuế cũng xác định:

- (i) Giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau là 1.312.350.526 VND; và
- (ii) Giảm số lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được chuyển sang các kỳ sau là 36.057.455.895 VND.

Công ty thực hiện ghi nhận toàn bộ số tiền truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp và các điều chỉnh giảm nêu trên tại thời điểm phát sinh Quyết định xử phạt.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99. Theo đó, một số số liệu đầu năm đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu cuối kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại VND	Số sau trình bày lại VND
Báo cáo tình hình tài chính				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (i)	123	77.500.000.000	436.792.188	77.936.792.188 *
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (	124	-	(251.475.750)	(251.475.750)
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	135	251.475.750	(251.475.750)	-
Phải thu ngắn hạn khác (i)	135	13.251.338.255	(185.316.438)	13.066.021.817
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (ii)	136	(63.202.523.335)	251.475.750	(62.951.047.585)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận (iii)	313	-	1.247.210.513	1.247.210.513
Phải trả ngắn hạn khác (iii)	320	2.685.176.988	(1.247.210.513)	1.437.966.475

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại khoản phải thu về cho vay và lãi dự thu;
- (ii) Phân loại lại khoản dự phòng về cho vay;
- (iii) Phân loại lại khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận.



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Lê Thị Sâm
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319
Số 63 Lê Văn Lương
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp
Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street
Yen Hoa Ward, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

10th Floor, HUD Building, No 159 Dien Bien Phu Street
Gia Dinh Ward, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street
Tran Bien Ward, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn